

Phụ lục

1. Ưu đãi, hỗ trợ về thuế thu nhập

1. Chính sách hỗ trợ về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với Hợp tác xã (HTX)

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng từ năm 2009), người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (gọi chung là doanh nghiệp). Trong số người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp có tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã (bao gồm: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế là đối tượng nộp thuế TNDN.

HTX được hưởng chính sách ưu đãi về thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN. Theo đó, Luật Thuế TNDN quy định ưu đãi ở mức cao với HTX, đặc biệt là HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể như sau:

a) HTX được miễn thuế TNDN đối với các khoản thu nhập sau:

- Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản;

- Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp;

- Phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã.

b) Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% (trong khi thuế suất phổ thông là 20%) trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Ngoài ra, giống như các đối tượng nộp thuế TNDN khác, trường hợp HTX thực hiện dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng nếu đáp ứng điều kiện về lĩnh vực, địa bàn được ưu đãi theo quy định của Luật Thuế TNDN thì được ưu đãi về áp dụng mức thuế suất thấp (10%, 15% và 17%) và thời gian miễn thuế, giảm thuế tương ứng theo quy định của Luật Thuế TNDN.

2. Về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế và thủ tục kê khai áp dụng ưu đãi TNDN

Điều 18 Luật Thuế TNDN quy định:

“Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

...

2. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu của doanh nghiệp.”

Như vậy, để đủ điều kiện ưu đãi thuế TNDN thì HTX thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai. Thực hiện nguyên tắc người nộp thuế tự khai, tự nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế (áp dụng từ ngày 01/7/2007), HTX tự xác định số thuế TNDN được hưởng ưu đãi và thực hiện kê khai, nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế. Cụ thể, theo quy định hiện hành, HTX thực hiện quyết toán thuế TNDN hằng năm theo mẫu 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính và gửi kèm theo phụ lục về ưu đãi tùy theo thực tế phát sinh của HTX.

II. Hỗ trợ về các khoản thu liên quan đến đất đai

1. Về ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước:

a) Chính sách ưu đãi

- Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm mà dự án thực hiện tại vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, đặc biệt khuyến khích đầu tư thì mức tỷ lệ % giá đất để xác định đơn giá thuê đất một năm tối thiểu không thấp hơn 0,5% (trong khi mức tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất đối với các dự án thông thường là 1%; mức tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất đối với đất thương mại dịch vụ tối đa là 3%).

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản tối đa là 03 năm; sau thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước xây dựng cơ bản thì thực hiện miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước từ 03 năm đến cả thời hạn thuê đất nếu HTX thực hiện dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (trong đó có quy định Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã,

sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối sẽ được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê theo điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ). Đồng thời quy định giảm 50% tiền thuê đất trong trường hợp HTX thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh (điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP).

Như vậy, chính sách về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước hiện hành đã quy định mức ưu đãi cao cho đối tượng là HTX nhằm thúc đẩy HTX phát triển.

b) Thủ tục để nghị hưởng ưu đãi

Tại khoản 3 Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính đã quy định hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với Hợp tác xã một cách đơn giản gồm những giấy tờ thiết yếu nhất để xác định đúng dự án được hưởng ưu đãi miễn, giảm bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trừ trường hợp thuộc đối tượng không phải cấp các loại giấy tờ này theo pháp luật về đầu tư);

c) Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền theo pháp luật về đầu tư (trừ trường hợp dự án đầu tư không thuộc diện phải cấp Quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật;

d) Bản sao Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

(Tại hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với Hợp tác xã không quy định phải có Hợp đồng thuê đất)

Như vậy, pháp luật hiện hành đã đơn giản hóa về thủ tục hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước để tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai của Nhà nước.

2. Về thuế sử dụng đất nông nghiệp

a) Chính sách ưu đãi

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời góp phần hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp được thực hiện từ năm 2001 đến nay. Cụ thể:

- Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp như các năm trước đến hết năm 2010; đồng thời mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên HTX.

- Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2020.

- Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2020; và năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Theo đó, Quốc hội đã quyết định miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025 cho hầu hết các đối tượng, trong đó có: (i) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; (ii) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã,... (trừ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp).

Như vậy, theo quy định của pháp luật về thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành (Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội) thì Hợp tác xã đang được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025.

b) Thủ tục để nghị hưởng ưu đãi

Theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Thông tư số 80/2021/TT-BTC về hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp thì: *“Đối với các trường hợp miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị quyết của Quốc hội đối với từng thời kỳ thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.”*

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định: *Căn cứ số thuế sử dụng đất nông nghiệp (số thuế gốc, số theo dõi thu) năm 2016 và tình hình thực tế tại địa phương, Chi cục thuế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát và xác định đối tượng được*

miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định để chuyển từ sổ theo dõi thu sang sổ thuế gốc.

Người nộp thuế đã có tên trong sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp nay thuộc đối tượng được miễn thuế theo quy định thì không phải kê khai lại và làm lại hồ sơ xét miễn thuế. Cơ quan thuế thực hiện chuyển sổ theo dõi theo hướng dẫn nêu trên và ban hành quyết định miễn thuế theo quy định. Trường hợp phát sinh mới đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thì cơ quan thuế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, đơn vị có liên quan hướng dẫn người nộp thuế kê khai và lập hồ sơ miễn thuế theo quy định, đồng thời cơ quan thuế bổ sung sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Như vậy, pháp luật hiện hành đã tạo điều kiện để người nộp thuế thuộc diện được miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã có tên trong sổ thuế thì không phải kê khai lại hồ sơ xét miễn thuế nên không phát sinh thủ tục hành chính.